

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2023/HSST

Ngày: 28/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ - TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Lượng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Cóong và bà Phạm Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên toà: ông Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên toà: ông Hoàng Ngọc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2023/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023; đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NGUYỄN VĂN H, sinh năm 1992; tại: tỉnh Bình Phước; Nơi thường trú: thôn Phú Nguyên, xã PR, huyện PR, tỉnh Bình Phước; giới tính: N; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm thuê; họ và tên cha: Nguyễn Văn Vinh, sinh năm 1965; họ và tên mẹ Nguyễn Thị Thuận, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; Bị cáo có 05(năm) tiền án: Ngày 16/11/2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09(chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 55/2009/HS-ST; Ngày 31/5/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước xử phạt 01(một) năm 07(bảy) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2016/HS-ST; Ngày 31/5/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 01(một) năm 03(ba) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2017/HS-ST; Ngày 31/7/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện PR, tỉnh Bình Phước xử phạt 03(ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp với hình phạt 01(một) năm 03(ba) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2017/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04(bốn) năm 03(ba) tháng tù tại bản án số: 46/2017/HS-ST, đến ngày 04/02/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 17/8/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 02(hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án hình sự phúc thẩm số: 65/2023/HS-PT; Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 165/2023/QĐ-CA ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước – có mặt.

2. Họ và tên: PHẠM CÔNG T (tên gọi khác: Cò), sinh năm 1996; Tại: tỉnh Bình Phước; Nơi thường trú: ấp 4, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước; giới tính: N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: ông Phạm Văn Đức, sinh năm 1965; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Tha, sinh năm 1962; bị cáo có 01 người anh sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ, con; bị cáo có 01 tiền án: Ngày 26/6/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 01(một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 43/2023/HS-ST; tiền sự: không;

Về nhân thân: Ngày 10/01/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước xử phạt 18(muoi tám) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 05/2013/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong; Ngày 04/12/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước xử phạt 30(ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 65/2013/HS-ST, tổng hợp hình phạt của bản án số: 05/2013/HS-ST buộc bị cáo phải chấp hành 48(bốn mươi tám) tháng tù, bị cáo đã chấp hành xong. Ngày 25/9/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước xử phạt 15(muoi lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 48/2019/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong ngày 05/9/2020; Ngày 26/6/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 01(một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 43/2023/HSST ngày 26/6/2023; Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Cây Cày – Bộ công an, hiện đang giam giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện BD, tỉnh Bình Phước – có mặt.

3. Họ và tên: NGUYỄN HẢI N, sinh năm 2004; Tại: tỉnh Bình Phước; Nơi thường trú: ấp Tân Lập, xã Phước Thiện, huyện BD, tỉnh Bình Phước; giới tính: N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; họ và tên cha: Nguyễn Hải Phương, sinh năm 1971; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Hiệp, sinh năm 1981; bị cáo có 01 người chị sinh năm 1999, bị cá chưa có vợ con; tiền án: Ngày 11/8/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước xử phạt 11 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 22(hai mươi hai) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số: 56/2022/HS-ST; tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 18/8/2023, bị Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 (năm) tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 51/2023/HSST ngày 18/8/2023 được tổng hợp với hình phạt 11 (mười một) tháng tù, cho hưởng án treo tại Bản án số 56/2022/HS-ST ngày 11/8/2022, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 01(một) năm 11(mười một) tháng tù; Bị

cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện BD từ ngày 10/3/2023 theo Bản án số 51/2023/HS-ST ngày 18/8/2023 cho đến nay - có mặt.

- Bị hại: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1974; địa chỉ: Kp. Thanh Xuân, TT. Thanh Bình, huyện BD, tỉnh Bình Phước – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh: Trần Mạnh Đạt, sinh năm 1998; địa chỉ: khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình, huyện BD, tỉnh Bình Phước – vắng mặt

+ Ông: VT, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp 9, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước – vắng mặt

+ Bà: Phạm Thị Duyên, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Thanh Sơn, thị trấn Thanh Bình, huyện BD, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

+ Ông: Đàm Văn L1, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp Tân Đông, xã Tân Thành, huyện BD, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

+ Anh: Võ Minh L2, sinh năm: 2001; địa chỉ: ấp 1, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 20/01/2023, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter 150, màu đỏ trắng (không rõ biển kiểm soát) mang theo 01 kìm cộng lực màu vàng, dài khoảng 80cm (quấn trong áo khoác để gác бага xe) và 01 đoạn bẻ khóa đến nhà Phạm Công T thuộc ấp 4, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước. Tại đây, H gặp T và Nguyễn Hải N, cả ba rủ nhau đi tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 21/01/2023, T điều khiển xe mô tô của H chở H và N chạy đến cổng sau Trung tâm y tế huyện BD, H xuống xe và cầm kìm cộng lực đi đến cắt khóa cổng rồi mở cổng cùng T đi vào bên trong, N đứng ở ngoài canh giới. T và H đi đến khu vực nhà xe của Trung tâm y tế, thấy cửa nhà xe khóa, H sử dụng kìm cộng lực cắt khóa rồi đi vào lần lượt lấy trộm 04 xe mô tô đang được gửi tại nhà xe (do bà Nguyễn Thị X là bảo vệ Trung tâm y tế trông giữ) dắt 04 xe mô tô ra khu vực nhà vệ sinh gần đó. Sau đó, H và T mỗi người dắt 01 xe mô tô ra ngoài cổng sau Trung tâm y tế nơi N đang đứng canh giới. H dùng đoạn bẻ khóa điện 02 xe mô tô rồi điều khiển 01 xe, T điều khiển 01 xe cùng N điều khiển xe của H chạy về nhà hoang ở ấp Thanh Sơn, thị trấn Thanh Bình, huyện BD cất giấu. T cùng H và N tiếp tục quay lại cổng sau Trung tâm y tế huyện BD vào khu vực nhà vệ sinh lấy 02 xe mô tô còn lại, tự đấu dây điện xe nổ máy chạy về nhà hoang trước đó để cất giấu.

Sau đó, H điều khiển 01 xe mô tô có biển kiểm soát: 93G1 – 052.13 chạy về nhà ở huyện PR, khi đi đến một quán cà phê vòng ven đường H đi vào ngủ, khi thức dậy thì phát hiện xe Dream đã bị mất trộm. T điều khiển 01 xe mô tô có biển kiểm soát: 93G1 – 292.81 cùng với N chạy về nhà cất giấu. Khoảng 17 giờ 00 cùng ngày, N

điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 93G1 – 292.81 đến khu vực Ngầm Minh Đen (biên giới Việt N-Campuchia) thuộc ấp Phước Tiến, xã Hưng Phước bán cho một người đàn ông tên Ty không rõ nhân thân, lai lịch với giá 7.000.000 đồng. N mang tiền về đưa cho T và được T chia cho 3.500.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 24/01/2023, N gọi điện cho T nói đến lấy 02 xe mô tô còn lại (xe mô tô biển kiểm soát: 93G1 – 259.69 và xe mô tô biển kiểm soát: 93G1 – 302.78) đem đi bán. Sau đó, N nhờ Võ Minh Luân chở đến nhà T và nhờ Luân điều khiển giùm 01 xe mô tô (N nói lấy xe đi trả cho người quen). Cả hai điều khiển xe chạy đến vườn điều khu vực Suối Hai Dòng thuộc ấp Phước Tiến, xã Hưng Phước rồi N nói Luân về trước để N trả xe cho bạn. Sau đó, N gọi điện thoại trao đổi và bán 02 xe mô tô này cho người đàn ông Campuchia tên Ty với giá 15.000.000 đồng. N mang tiền về đưa cho T. T lấy 5.000.000 đồng, chia cho N và H mỗi người 5.000.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 132/2023/KL-HĐĐTTS ngày 08/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện BĐ xác định tại thời điểm ngày 21/01/2023 giá trị tài sản gồm: 01 xe Honda Dream, biển số: 93G1 – 052.13, màu đen trị giá 5.550.000 đồng; 01 xe Honda Wave RSX, biển số: 93G1 – 259.69, màu đỏ - đen trị giá 21.080.000 đồng; 01 xe Honda Wave RSX, biển số: 93G1 – 302.78, màu đỏ đen trị giá 22.050.000 đồng; 01 xe Honda Wave Blade, biển số: 93G1 – 292.81, màu: đỏ - đen – xám trị giá 20.700.000 đồng, tổng giá trị tài sản định giá là 69.380.000 đồng.

Cáo trạng số: 56/CT - VKS ngày 07/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Truy tố Phạm Công Taoh, Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát, sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Phạm Công T, Nguyễn Hải N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị xử phạt từ 04(bốn) đến 05(năm) năm tù; tổng hợp hình phạt 02(hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 65/2023/HS-PT ngày 17-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án.

Đối với bị cáo Phạm Công T đề nghị xử phạt từ 03(ba) đến 04(bốn) năm tù; tổng hợp hình phạt 01(một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 43/2023/HSST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án.

Đối với bị cáo Nguyễn Hải N đề nghị xử phạt bị cáo từ 03(ba) đến 04(bốn) năm tù; tổng hợp với hình phạt 01(một) tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 51/2023/HSST ngày 18/8/2023 và hình phạt 11(mười một) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số

56/2022/HSST ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước; Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án.

Bị hại Nguyễn Thị X trình bày, bà và ông Nguyễn Văn Tiếp là vợ chồng nên xe của bà và ông Tiếp tài sản chung, ông Tiếp vắng mặt nên bà yêu cầu 03 bị cáo phải bồi thường xe cho bà; cụ thể yêu cầu 03 bị cáo bồi thường đối với 04 chiếc xe đã chiếm đoạt là 69.380.000đ (sáu mươi chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 23.127.000đ, các bị cáo đồng ý theo yêu cầu bồi thường của bà X.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện BD, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và những người làm chứng.

Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 01 giờ gày 21/01/2023, Nguyễn Văn H, Phạm Công T, Nguyễn Hải N đã có hành vi phá khóa cửa sau và cửa nhà giữ của Trung tâm y tế huyện BD để chiếm đoạt 04 xe mô tô gồm: 01 xe Honda Dream, biển kiểm soát: 93G1-052.13, màu đen của VT; 01 xe Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 93G1-259.69, màu đỏ - đen của Phạm Thị Duyên; 01 xe Honda Wave RSX, biển kiểm soát: 93G1 - 302.78, màu đỏ đen của Trần Mạnh Đạt và 01 xe Honda Wave Blade, biển kiểm soát: 93G1 - 292.81, màu: đỏ - đen - xám của Đàm Văn Lân, các xe mô tô trên gửi tại nhà xe của Trung tâm y tế huyện BD được bà Nguyễn Thị X trông giữ.

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 132/2023/KL-HĐĐTTS ngày 08/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện BD xác định tại thời điểm ngày 21/01/2023, Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 69.380.000 đồng. Hành vi của bị cáo Phạm Công T, Nguyễn Hải N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội khi chưa được xóa án tích có nhiều tiền án, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 56/CT-

VKS ngày 07/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện BD và luận tội của Kiểm sát viên truy tố các bị cáo là đúng hành vi, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự, an ninh xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Do vậy, việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là cần thiết, nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác, trở thành người có ích cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo H là người khởi xướng, người thực hành, bị cáo T và bị cáo N là người thực hành, người giúp sức tích cực nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn 02 bị cáo còn lại; bị cáo T và bị cáo N đều giúp sức tích cực với trò tương đương nhau, T là người giúp phá cửa, dẫn xe mô tô ra và đưa đi cất giấu, N cảnh giới để H và T đột nhập vào chiếm đoạt xe, giúp cất giấu xe và mang xe đi bán nên T và N phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Hải N ngày 11/8/2022 bị Tòa án nhân dân huyện BD xử phạt 11(mười một) tháng tù, cho hưởng án treo tại Bản án số 56/2022/HSST, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nên phải chịu tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; đối với hình phạt 11(mười một) tháng tù cho hưởng án treo đã được quy đổi thành 11(mười một) tháng tù giam và được tổng hợp với hình phạt 01(một) năm tù về tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có”, tổng hợp hình phạt của 02 Bản án là 01(một) năm 11(mười một) tháng tù tại Bản án số 51/2023/HSST ngày 18/8/2023 của TAND huyện BD. Bản án số 51/2023/HSST ngày 18/8/2023 của TAND huyện BD đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp với hình phạt của Bản án này; buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung của cả 02(hai) Bản án.

Bị cáo T và bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, bị cáo H ngày 17/8/2023 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 02(hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 65/2023/HS-PT đã có hiệu lực pháp luật, đối với hành vi trộm cắp tài sản thực hiện vào ngày 16/02/2023, hành vi bị xét xử tại Bản án phúc thẩm thực hiện sau hành vi trộm cắp tại Trung tâm y tế huyện BD (ngày 21/01/2023) nên không xác định tiền án đối với bị cáo nhưng cần tổng hợp hình phạt tại Bản án số 65/2023/HSPT ngày 17/8/2023 với hình phạt của Bản án này buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02(hai) Bản án.

Bị cáo T, ngày 26/6/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 01(một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 43/2023/HSST ngày 26/6/2023 và đã có hiệu lực pháp luật đối với hành vi thực hiện

vào ngày 21/11/2022. Hành vi thực hiện trước ngày bị cáo chiếm đoạt xe mô tô tại Trung tâm y tế (ngày 21/01/2023), ngày 26/6/2023 mới xét xử nên không tính tiền án với bị cáo nhưng cần tổng hợp hình phạt 01(một) năm tù tại Bản án số 43/2023/HSST ngày 26/6/2023 với hình phạt tại Bản án này. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02(hai) Bản án.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T đang có con nhỏ, bị cáo H, T đang phải chăm sóc mẹ già, yếu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đối với Võ Minh Luân đã có hành vi điều khiển xe mô tô do các bị cáo trộm cắp được đi bán, quá trình điều tra xác định khi nhờ Luân chạy xe, N nói mang xe đi trả cho người quen nên Luân không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BD không đề cập xử lý là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông Campuchia tên Ty không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BD đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả, nên không đề cập xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Nguyễn Thị X là người trực tiếp trông giữ xe cho Phạm Thị Duyên Trần Mạnh Đạt, Đàm Văn Lân thông qua hợp đồng trông giữ xe, thời điểm xe mô tô bị chiếm đoạt đang được quản lý của bà X, đồng thời bà X là chủ sở hữu 01 xe mô tô. Mặt khác, bà Nguyễn Thị X đã bồi thường cho Phạm Thị Duyên 12.000.000đ, Trần Mạnh Đạt 17.000.000đ, Đàm Văn Lân 17.000.000đ nên xác định bà Nguyễn Thị X là bị hại trong vụ án là phù hợp; các chủ xe là Đàm Văn Lân, VT, Trần Mạnh Đạt, chị Phạm Thị Duyên không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Đối với yêu cầu bồi thường 69.380.000đ của bà Nguyễn Thị X đối với các bị cáo, yêu cầu cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường 23.127.000đ. Tại phiên tòa các bị cáo đề đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại Nguyễn Thị X. Xét sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX cần ghi nhận.

Về vật chứng: Đối với 01 kim cộng lực màu vàng, dài khoảng 80cm và 01 đoạn bẻ khóa các bị cáo sử dụng để phạm tội, H khai kim và đoạn trên do H nhặt được tại nghĩa địa gần nhà T. Sau khi phạm tội, H đã ném vào bụi cỏ bên đường, không xác định được địa điểm nên CQCSĐT không thu hồi được. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 04 xe mô tô các bị cáo chiếm đoạt đã bán 03 chiếc và 01 chiếc bị mất nên không thu hồi được, HĐXX không xem xét.

Xét, đề xuất về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát và các vấn đề khác trong vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Công T (Cò), Nguyễn Hải N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn H 04(bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 02(hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 65/2023/HS-PT ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06(sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/02/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 56; Điều 58 của Bộ luật hình sự

Xử phạt Phạm Công T (Cò) 03(ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 01(một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 45/2023/HSST ngày 26/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh tỉnh Bình Phước; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04(bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính 07/3/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Hải N 03(ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 01(một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 56/2022/HSST ngày 11/8/2022 đã được tổng hợp tại Bản án số 51/2023/HSST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện BD và hình phạt 11(mười một) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” của Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 04(bốn) năm 11(mười một) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/3/2023

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, khoản 1 Điều 586, các Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự. Ghi nhận sự thoả thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại.

Bị cáo Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị X 23.127.000đ (hai mươi ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Công T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị X 23.127.000đ (hai mươi ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Hải N có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị X 23.127.000đ (hai mươi ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian, số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật thi hành án dân sự](#) thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H, Phạm Công Tại, Nguyễn Hải N mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.156.350đ (một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- Công an huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Lượng